

Bản án số: 239/2024/DS-ST

Ngày: 16-7-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tổng Thị Kim Điền

2. Bà Trần Tiểu Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 253/53/13 đường T, tổ 8b, khu phố 4, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 338Bis1 đường Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 85/19/10 đường N, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N có mặt tại phiên tòa; ông Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 21/8/2023 bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N cho rằng vợ chồng bà nhiều lần cho ông Võ Văn T vay tiền cụ thể: Lần 1 số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 25/02/2022; lần 2 số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 13/3/2022; lần 3 số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 21/4/2022 và lần 4 số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 02/5/2022. Đến ngày 23/5/2022 thì vợ chồng bà và ông Võ Văn T cùng tính lại số tiền ông T vay của vợ chồng bà, hai bên cùng ký tên trong Giấy vay tiền theo đó ông T ký vay của vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận mức lãi suất; thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 25/4/2022 đến ngày 25/7/2022), nhưng đến nay ông T còn nợ tiền lãi trên nợ gốc chưa trả là 2.500.000 đồng; tiền lãi do chậm trả tiền lãi là 267.123 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 16.027.397 đồng và tiền vốn vay. Do đó, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T phải trả cho vợ chồng bà tổng số tiền là 118.794.520 đồng (trong đó tiền vốn vay 100.000.000 đồng và các khoản tiền lãi là 18.794.520 đồng).

Ngày 25/4/2024, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N rút yêu cầu đòi ông Võ Văn T phải trả cho bà H và ông N tiền lãi do chậm trả tiền lãi là 267.123 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 16.027.397 đồng, đến ngày 20/6/2024 bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N sửa đổi yêu cầu, yêu cầu ông Võ Văn T phải trả tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi trên tiền vốn vay chưa trả theo mức lãi suất 10%/năm, tạm tính tròn số tính từ ngày 23/5/2022 đến ngày 20/6/2024 là 21.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn ông Võ Văn T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Võ Văn T thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông T không có mặt theo giấy triệu tập, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho ông Võ Văn T thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T vẫn không có mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N trình bày: Vợ chồng bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T phải trả cho vợ chồng bà tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi trên tiền vốn vay chưa trả tính từ ngày 23/5/2022 đến ngày 16/7/2024 (25 tháng 24 ngày) theo mức lãi suất 10%/năm, số tiền là 21.501.200 đồng. Tổng số tiền ông T phải trả là 121.501.200 đồng.

- Bị đơn ông Võ Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; việc xác định tư cách tham gia tố tụng

đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi do chậm trả tiền lãi và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn do nguyên đơn rút yêu cầu.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T phải trả các khoản nợ phát sinh từ Giấy cho vay tiền, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 20/6/2024 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N về việc buộc ông Võ Văn T phải trả cho bà H, ông N tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi trên tiền vốn vay chưa trả tính từ

ngày 23/5/2022 đến ngày 16/7/2024 (25 tháng 24 ngày) theo mức lãi suất 10%/năm, là 21.501.200 đồng. Tổng số tiền ông T phải trả là 121.501.200 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét Giấy cho vay tiền ngày 23/5/2022 (viết tay) do bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh N và ông Võ Văn T tự nguyện xác lập, về hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[3.2] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N về việc buộc ông Võ Văn T phải trả tiền vốn vay 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Giấy cho vay tiền ngày 23/5/2022 thể hiện ông Võ Văn T có ký vay của vợ chồng bà H, ông N số tiền 100.000.000 đồng; thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 25/4/2022 đến ngày 25/7/2022), nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N về việc buộc ông Võ Văn T phải trả tiền vốn vay nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N về tiền lãi trên số tiền vốn vay chưa thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 23/5/2022 đến 16/7/2024 là 25 tháng 24 ngày (100.000.000đồng X 10%/năm X 25 tháng 24 ngày) là 21.501.200 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy cho vay tiền tuy các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả... 2. nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; tại Điều 468 quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy, bà H và ông N yêu cầu ông Võ Văn T phải trả tiền lãi trên tiền vốn vay chưa thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 21.501.200 đồng là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2023 bà H và ông N đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T phải trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả là 2.500.000 đồng; tiền lãi do chậm trả tiền lãi là 267.123 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 16.027.397 đồng và tiền vốn vay, nhưng tại Bản tự khai ngày 24/5/2024 và tại phiên toà bà H và ông N xin rút yêu cầu đòi ông Võ Văn T phải trả tiền lãi do chậm trả tiền lãi và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn.

Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N

về việc đòi ông Võ Văn T phải trả tiền lãi do chậm trả tiền lãi là 267.123 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 16.027.397 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N về việc buộc ông Võ Văn T phải trả tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi trên tiền vốn vay chưa trả là 21.501.200 đồng được chấp nhận, nên ông Võ Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.075.060 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N.

Buộc ông Võ Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N tổng số tiền là 121.501.200 (một trăm hai mươi một triệu năm trăm lẻ một ngàn hai trăm) đồng, trong đó tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi trên tiền vốn vay chưa trả tính từ ngày 23/5/2022 đến 16/7/2024 là 21.501.200 đồng. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N nêu trên, hàng tháng ông Võ Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N về việc đòi ông Võ Văn T phải trả tiền lãi do chậm trả tiền lãi là 267.123 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 16.027.397 đồng do bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N rút yêu cầu.

3. Về án phí: Ông Võ Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.075.060 (sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.969.863 (hai triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0037393 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (TK Thúy Loan)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA